

XVI-GIẢI THÍCH VẤN NẠN

Tuy có nội thức mà không có ngoại duyên, thì do đâu loài hữu tình bị sanh tử tương tục?

Tụng nói:

*Do tập khí các nghiệp
Cùng tập khí hai thủ
Thân Dị thực trước hết
Lại sanh Dị thực khác.*

Luận rằng: (Ý thứ nhất) Các nghiệp là nghiệp phước, phi phước, và bất động; tức là tư nghiệp (do tư duy thẩm xét, tư duy quyết định, tư duy phát động mới thành nghiệp, cho nên gọi là tư nghiệp, tức ba nghiệp lấy tư làm thể nên gọi là tư nghiệp) hữu lậu thiện và bất thiện. Quyển thuộc của nghiệp cũng gọi là nghiệp, vì đồng chiêu cảm hai quả Dị thực Dẫn và Mãn (Dẫn nghiệp, Mãn nghiệp).

Nghiệp này tuy khởi liền diệt, không có lẽ gì chiêu cảm được quả Dị thực trong tương lai, nhưng vì nó huân tập vào bản thức, thành chủng tử công năng của chính mình, và chính công năng ấy được gọi là tập khí, là khí phần của nghiệp, do huân tập thành, giản biệt với nghiệp đã qua và nghiệp hiện tại, cho nên gọi là tập khí. Tập khí như thế triển chuyển tiếp nối, cho đến khi thành thực, chiêu cảm quả Dị thực, tập khí các nghiệp đối với quả báo Dị thực đương lai là một thứ Tăng thượng duyên rất mạnh.

Hoặc thủ Tướng và Kiến, thủ danh và sắc, thủ Tâm và Tâm sở, thủ gốc và ngọn, bốn thứ năng thủ sở thủ này đều nhiếp vào hai thủ hiện hành. Bốn thứ thủ hiện hành đó huân thành công năng ở trên bản thức để thân sanh ra nó, đó gọi là tập khí hai thủ. Đây là chỉ rõ các chủng tử nhân duyên của tâm Dị thực quả và Tâm sở tương ứng với nó trong đời sau. Trong bài tụng nói chữ “Cùng” tức là chủng tử nghiệp và chủng tử hai thủ cùng nhau, làm duyên xa và duyên gần giúp cho nhau, nhưng tập khí nghiệp tuy là sơ duyên mà sự chiêu cảm sanh ra thân Dị thực rõ rệt hơn, cho nên trong bài tụng nêu lên trước tập khí hai thủ (đối với chiêu cảm, nghiệp là Tăng thượng duyên nên xa, hai thủ là nhân duyên nên gần).

Dị thực trước là quả Dị thực do nghiệp ở các đời trước chiêu cảm.

Dị thực khác là quả Dị thực do nghiệp chiêu cảm ở các đời sau.

Tuy tập khí hai thủ thọ quả báo vô cùng mà tập khí nghiệp thì thọ

quả báo có tận. Do quả Dị thực tánh vô ký khác với nghiệp nhân tánh có thiện ác nên khó chiêu cảm, còn nhân quả đẳng lưu và tăng thượng tánh đồng nhau, nên dễ chiêu cảm. Do chủng tử các nghiệp chiêu cảm sanh đến đời khác đã thành thực mà quả Dị thực thân đời trước, đã hết thọ dụng, thì lại sanh ra quả Dị thực thân khác vào đời sau, do đó mà có sanh tử luân hồi vô cùng, chứ cần gì phải mượn duyên bên ngoài nói sanh tử tương tục.

Bài tụng này ý nói do tập khí nghiệp và hai thủ mà sự sanh tử luân hồi đều không lìa thức, vì Tâm và Tâm sở là bản tánh của các nghiệp và hai thủ đó.

(*Ý thứ hai*) Lại nữa, sanh tử tương tục do các tập khí, nhưng các tập khí tổng cộng có ba thứ:

1. Danh ngôn tập khí: Đó là các pháp hữu vi đều có mỗi chủng tử thân sanh riêng. Danh ngôn có hai:

a. Biểu nghĩa danh ngôn, tức là những âm thanh sai biệt có khả năng diễn tả sự nghĩa.

b. Hiện cảnh danh ngôn, tức là Tâm và Tâm sở có khả năng hiểu biết các cảnh. Tùy theo hai thứ danh ngôn này huân thành chủng tử để làm mỗi nhân duyên cho mỗi pháp hữu vi sanh khởi.

2. Ngã chấp tập khí: Đó là chủng tử hư vọng chấp ngã và ngã sở.

Chấp ngã có hai:

a. Câu sanh chấp ngã, tức thứ chấp ngã và ngã sở phải do tu đạo mới đoạn được (có ở thức thứ sáu, thức bảy).

b. Phân biệt chấp ngã, tức thứ chấp ngã và ngã sở chỉ do thấy đạo là đoạn được (chỉ có ở ý thức).

Tùy theo hai thứ ngã chấp đó huân thành chủng tử mới khiến các hữu tình có sự phân biệt mình và người khác nhau.

3. Hữu chi tập khí (chi Hành và Hữu trong mười hai hữu chi nhân duyên). Đó là chủng tử nghiệp Dị thực chiêu cảm sanh ra trong ba cõi. Hữu chi có hai:

a. Hữu lậu thiện, tức nghiệp chiêu cảm quả báo đáng ưa.

b. Các bất thiện nghiệp, tức nghiệp chiêu cảm quả báo không đáng ưa.

Tùy theo hai chi thiện ác đó huân tập thành chủng tử khiến cho quả Dị thực ở hai đường thiện ác khác nhau.

Nên biết ngã chấp tập khí và hữu chi tập khí chỉ là Tăng thượng duyên đối với quả Dị thực sai biệt.

Bài tụng nói “nghiệp tập khí”, nên biết đó chính là hữu chi tập khí. Bài tụng nói: “Tập khí hai thủ” nên biết đó chính là hai thứ tập khí ngã chấp và danh ngôn. Do chấp thủ ngã, ngã sở và chấp thủ danh ngôn mà huân tập thành, đều nói là thủ. Còn trong tụng văn nói chữ “câu”

v.v... thì đã giải thích ở trước.

(*Ý thứ ba*) Lại nữa, sanh tử tương tục là do Hoặc, Nghiệp và Khổ. Những phiền não phát nghiệp (tức vô minh chi) và nhuận sanh (tức ái thủ) gọi là Hoặc. Các nghiệp có khả năng chiêu cảm đời sau, gọi là Nghiệp. Từ nghiệp sanh các khổ, gọi là Khổ. Chủng tử của Hoặc, của Nghiệp, của Khổ đều gọi là tập khí. Hai tập khí hoặc và nghiệp làm tăng thượng duyên cho quả báo khổ sanh tử, vì nó giúp sanh ra khổ báo. Còn tập khí khổ là nhân duyên cho khổ sanh tử, vì nó trực tiếp sanh khổ. Trong bài nói về ba tập khí, như đây nên biết. Hoặc và Khổ gọi là hai thủ, Hoặc là năng thủ; Khổ là sở thủ. Thủ có nghĩa là nắm trước; còn nghiệp thì không được gọi là thủ. Các văn khác trong bài tụng nghĩa lý như trước đã có giải.

Nên biết Hoặc, Nghiệp, Khổ này là tổng nhiếp mười hai hữu chi từ vô minh đến chi lão tử. Như Luận có giải rộng.

Nhưng mười hai chi lược nhiếp lại trong bốn chi:

1. Năng dẫn chi: Đó là vô minh và hành, có khả năng dẫn đến chủng tử của năm quả là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ. Trong đây

vô minh chỉ thủ vai phát khởi ra nghiệp thiện ác được phát khởi đó mới gọi là hành. Do đó, hết thấy nghiệp thuận hiện thọ và mãn nghiệp trợ giúo cho biệt báo tương lai, đều không phải là “hành chi).

2. Sở dẫn chi: Tức năm thứ chủng tử thức, danh v.v... ở trong bản thức, nó thân sanh ra thức, danh sắc v.v... thuộc Dị thực quả đương lai, do hai chi đầu là vô minh và hành dẫn phát ra, nên gọi là sở dẫn. Chủng tử thức trong năm chi này là thân nhân của bản thức trong đương lai. Chủng tử trong thức, chỉ trừ ba nhân là lục nhập, xúc, thọ, còn các nhân kia đều thuộc chủng tử của danh sắc. Ba nhân sau như thứ lớp của tên gọi, là chủng tử của lục nhập, xúc, thọ. Hoặc chủng tử danh sắc thì tổng nhiếp cả năm nhân của trong bản thức. Trong năm nhân đó tùy sự trỗi hơn mà lập bốn thứ kia. Lục nhập với thức, chung riêng cũng thế. (Như nhiếp vào “danh” trỗi hơn thì lập bốn thứ thức, xúc, thọ và ý nhập. Nếu nhiếp vào “sắc” trỗi hơn thì lập nhãn nhập cho đến thân nhập. Lục nhập với thức chung riêng cũng thế, như trong chủng tử thì lục nhập tổng nhiếp năm nhân, trong đó nhân nào trỗi hơn thì lập bốn thứ kia).

Luận nói: “thức chi” cũng là năng dẫn. Vì nghiệp chủng tử ở trong thức, gọi là thức chi; còn chủng tử Dị thực thức thì nhiếp thuộc chủng tử danh sắc chi. Kinh Duyên Khởi nói: “Thức chi thông cả năng dẫn sở dẫn”, đó là lấy cả nghiệp chủng và thức chủng đều gọi là thức chi. Thức là chỗ danh sắc nương, không phải nhiếp thuộc danh sắc.

Năm thứ thức, danh sắc v.v... do nghiệp huân tập phát sanh, tuy thật đồng khởi mà chủ, bạn, tổng, biệt, thắng, liệt, nhân, quả khác nhau. Cho nên trong các Thánh giáo giả nói năm chi đó có trước sau; hoặc

nói thức trước danh sắc sau, hoặc nói danh sắc trước thức sau; hoặc dựa vào quả đương lai khởi lên có thứ lớp mà nói có trước sau. Do nghĩa đó cũng nói năm chi thức v.v... là hiện hành. Nếu ở trong nhân thì không có nghĩa hiện hành. Hoặc do quả đương lai hiện khởi mà nói sở sanh sở dẫn đồng thời. Khi nghiệp chủng đã có ái nhuận và khi chưa có ái nhuận, chắc không đồng thời (vô minh phát nghiệp huân một lần cả năm chi là thức danh sắc, lục, nhập, xúc, thọ. Sao lại lập năm chi đó có trước sau? Vì thức là chủ, bốn chi kia là bạn; trong bạn đó danh sắc là tổng; lục, nhập, xúc, thọ, là biệt, trong biệt đó lục nhập là hơn; xúc, thọ là liệt; trong liệt đó xúc là nhân; thọ là quả, có khác nhau. Hoặc khi thành thực, trước khởi thức, rồi mới khởi danh sắc v.v...)

3. Năng sanh chi: Đó là ba chi ái, thủ, hữu, gần nhất là sanh ra “sanh” và “lão tử” trong tương lai. Nghĩa là trước do cái ngu mê quả Dị thực bên trong (mê thân) phát sanh các nghiệp chính thức chiêu cảm

đời sau làm duyên, dẫn phát chủng tử thân sanh năm quả là thức, danh sắc, thuộc sanh và lão tử trong tương lai rồi, lại dựa cái ngu mê quả Tăng thượng bên ngoài và duyên cảnh giới thọ mà phát khởi tham, ái, lại duyên Ái mà sanh ra bốn thủ là dục thủ v.v... ái và thủ hợp lại thấm nhuần chủng tử nghiệp năng dẫn, và thấm nhuần năm chi sở dẫn nhân. Chính năm chi chủng tử đó đổi lại gọi là “hữu chi”, vì cùng khởi lên quả hậu hữu gần nhất.

Có chỗ chỉ nói nghiệp chủng tử gọi là “hữu”, vì nó có thể chính thức chiêu cảm quả Dị thực.

Lại có chỗ chỉ nói năm thứ chủng tử của thức, danh sắc v.v... gọi là “hữu”, vì nó thân sanh ra chủng tử thức, danh sắc v.v... trong tương lai.

4. Sở sanh chi: Đó là sanh và lão tử, vì là thứ được sanh gần nhất bởi ái, thủ, và hữu. Nghĩa là ở giữa giai đoạn từ “trung hữu” đến “bản hữu” (khi đã sanh ra) chưa bị suy biến, thì đều nhiếp về “sanh hữu”. Giai đoạn suy biến gọi là “lão”, thân hoại mạng chung mới gọi là “tử”. Lão không nhất định có (có người chết non) nên ghép với tử thành một chi lão tử (tử hữu).

Bệnh, tại sao không lập làm một chi? Vì bệnh thì không biến khắp và không nhất định có (có người không bệnh mà chết), nên không lập. Lão tuy không nhất định nhưng biến khắp nên lập thành một chi với tử. Vì ở trong ba cõi, sáu đường, bốn sanh, trừ kẻ chết yểu, còn những kẻ sắp mệnh chung đều có hành tướng suy vi hủ bại (lão).

Hỏi: “Danh sắc” không biến khắp, tại sao lại lập làm một chi?

Đáp: Vì nó nhất định có nên lập chi; vì loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, khi sáu căn chưa đầy đủ vẫn có danh sắc. Lại chi sanh sắc cũng là thứ khắp có. Như loài hóa sanh có sắc, trong bước đầu thọ sanh

tuy đủ năm căn mà chưa có tác dụng, bấy giờ chưa thể gọi là “lục nhập chi” được. Lại khi mới sanh cõi Vô sắc, tuy nhất định có ý căn nhưng không minh liễu, chưa thể gọi là ý xứ được.

Do đó Luận nói: “Mười hai hữu chi, trong hết thấy các chi, một phần sanh sắc ở hai cõi trên vẫn có”.

Hỏi: Nếu vậy “ái” không phải khắp có ở các cõi, sao lại riêng lập làm một chi? Vì kẻ sanh ở cõi ác, không ưa nơi đó?

Đáp: Vì “ái” nhất định có, nên riêng lập làm một chi. Như người ở cõi ác không cầu gì thì không có ái, nếu có cầu sanh cõi lành, thì nhất định là có ái. Hàng Thánh giả Bất hoàn khi nhuận sanh tuy không khởi ái, nhưng cũng như “thủ chi” đối với thân kia, nhất định có chủng tử “ái”. Lại ái cũng biến khắp các cõi, như kẻ sanh cõi ác cũng ưa thân và cảnh hiện tại của nó. Dựa vào không có cái ái hy cầu làm thân nơi cõi ác mà kinh nói ở đó không có ái, chứ không phải ở đó hoàn toàn không ái.

Hỏi: Tại sao ở “sở sanh chi” thì chỉ lập sanh và lão tử, mà ở “sở dẫn chi” lại lập riêng thành năm chi là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ?

Đáp: Vì ngay khi ở nhân vị khó biết tướng sai biệt của nó, nên dựa vào quả đương lai mà lập năm chi. Nghĩa là trong khi tục sanh, tướng thức nhân rõ rệt, nên lập thức chi; tiếp đó khi sáu căn chưa đầy đủ thì tướng danh sắc nổi bật, nên lập danh sắc chi; tiếp đó khi sáu căn đầy đủ tướng lục nhập thịnh vượng, nên lập lục nhập chi, rồi y nơi đó phát ra xúc, nhân xúc khởi lên thọ. Bấy giờ mới gọi là rốt ráo thọ quả. Y nơi quả vị đó mà lập nhân làm năm.

Ở quả vị có tướng sai biệt dễ rõ nên tổng lập ra hai chi là sanh và lão tử, vừa đủ hiển rõ ba khổ (sanh là hành khổ, lão là hoại khổ, tử là khổ khổ).

Nhưng quả được sanh, nếu ở vị lai, là vì muốn khiến loài hữu tình sanh tâm nhằm chán, nên nói hai chi sanh và lão tử. Nếu khi đã đi đến hiện tại, thì vì muốn khiến loài hữu tình, rõ biết phạm vị tương lai của nó, nên nói năm chi thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ.

Hỏi: Tại sao về phát nghiệp thì tổng lập một chi vô minh, còn về nhuận sanh thì lập riêng hai chi ái và thủ?

Đáp: Tuy các phiền não đều có thể phát nghiệp và nhuận sanh, nhưng ở địa vị phát nghiệp thì “vô minh” có sức mạnh hơn, vì có đủ mười một điều nổi bật, đó là sở duyên hành tướng v.v... nói rộng như trong kinh. Còn ở địa vị nhuận sanh thì “ái” có sức mạnh hơn, vì ái như nước có thể thấm nhuần. Phải tưới tắm luôn mới sanh ra mầm “hữu” và dựa vào ái lúc đầu, ái lúc sau mà phân ra ái và thủ. Còn phát nghiệp không thể là phát sanh trùng lập, cho nên chỉ có một chi “vô minh”.

Tuy trong chi “thủ” đã gồm hết các phiền não, nhưng “ái” thấm nhuần mạnh hơn, cho nên nói ái nổi bật.

- Các chi duyên khởi đều y nơi tự địa. Nhưng cũng có sự phát sanh ra “hành” y nơi vô minh ở tha địa, như vô minh ở hạ địa phát sanh chi “hành” ở cõi trên. Không như vậy, thì kể lúc mới đẹp được ô nhiễm ở hạ địa khởi ra định ở thượng địa, không phải là khởi “hành” đó sao? Vì vô minh ở thượng địa kia khi đó còn chưa khởi.

- Người từ thượng địa sanh hạ địa, hay từ hạ địa sanh thượng địa, họ duyên theo thọ nào mà khởi ái? Ái kia cũng duyên với thọ ở nơi sắp sanh hoặc duyên với thọ hiện hành hay thọ chủng tử, đều không trái lý.

- Mười hai chia ấy, trong đó mười chi nhân đầu và hai quả chót, nhất định không đồng thời. Trong mười chi nhân, bảy chi đầu và ái, thủ, hữu thì hoặc đồng thời hoặc không đồng thời. Nếu riêng hai chi sanh và lão tử, nhất định đồng thời, ba chi ái, thủ, hữu, nhất định đồng thời, hay bảy chi từ vô minh đến thọ, nhất định đồng thời với nhau.

- Mười hai chi như vậy, tạo thành một lớp nhân quả, đủ nói rõ tánh cách luân hồi, và xa lìa hai chấp đoạn và thường. Giả sử lập thành hai lớp nhân quả thì thật là vô dụng. Hoặc lập nhiều lớp hơn đây thì bị lỗi vô cùng.

Mười hai chi này còn phân biệt theo các nghĩa môn sau đây:

1. Môn giả thật: Trong mười hai chi, chín chi đầu là thật, và ba chi cuối là hữu, sanh, và lão tử là giả. Vì sáu chi hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, do được ái và thủ thấm nhuần mà hợp lại gọi là “hữu” nên hữu là giả. Và chính vì năm chi là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ mà có ba tướng sanh, lão tử, khác nhau, nên sanh lão tử là giả.

2. Môn nhất sự phi nhất sự: Đó là vô minh, thức, xúc, thọ, ái, năm chi đều cùng một sự thể, còn các chi kia không phải cùng một sự thể.

3. Môn nhiễm không nhiễm: Ba chi là vô minh, ái, thủ chỉ là nhiễm, vì là tánh phiền não, còn bảy chi kia chỉ là bất nhiễm, vì là quả Dị thực. Nhưng chính trong phạm vi bảy chi kia có thể khởi sanh ô nhiễm, nên giả nói bảy chi kia thông cả nhiễm và bất nhiễm.

4. Môn độc tướng tập tướng phân biệt: Ba chi vô minh, ái, thủ là tướng riêng, vì không xen tạp với các chi kia, còn các chi kia chỉ là tướng xen tạp.

5. Môn sắc phi sắc: Sáu chi vô minh, thức, xúc, thọ, ái, thủ chỉ là phi sắc; còn các chi kia thông cả sắc và phi sắc.

6-7. Môn hữu lậu hữu vi, vô lậu vô vi: Cả mười hai chi đầu là hữu lậu và chỉ là hữu vi, còn vô lậu vô vi thì không phải là mười hai hữu chi.

8. Môn ba tánh: Vô minh, ái, thủ chỉ thông về tánh bất thiện và

hữu phú vô ký; “hành” chỉ có tánh thiện, ác, còn “hữu” thông cả thiện, ác, và vô phú vô ký. Bảy chi kia chỉ là vô phú vô ký, nhưng ở trong phận vị bảy chi đó cũng khởi lên thiện và nhiễm.

9. Môn ba cõi: Tuy cả mười hai chi thông cả ba cõi, nhưng Dục giới thì toàn đủ mười hai chi; Vô sắc giới chỉ có một phần.

10. Môn năng sở tri: “Hành chi” của thượng địa có thể dẹp được phiền não của hạ địa, chính vì chán ba hành tướng là khổ, thô, chướng, và ưa ba hành tướng là tịnh, diệu, ly, mà khởi tâm cầu sanh cõi trên nên khởi lên hành chi đó.

11. Môn học vô học: Cả mười hai chi đều không phải học, vô học, vì Thánh giả lấy minh trí làm duyên mà khởi lên thiện nghiệp hữu lậu, điều đó trái với hữu chi, không nhiếp về hữu chi. Do đó nên biết bậc Thánh không còn tạo các nghiệp chiêu cảm thân đời sau, vì không mê cầu khổ quả đời sau. Nhưng xen tu thêm tịnh lực để giúp cho nghiệp cũ ở cõi dưới mà được sanh lên trời Ngũ Tịnh Cư, điều đó không trái lý.

12. Môn tam đoạn: Có ý kiến cho rằng vô minh chỉ thuộc kiến sở đoạn, vì phải có mê để lý mới phát sanh hành động. Bậc Thánh hẳn không còn tạo nghiệp đời sau. Còn ái và thủ hai chi chỉ thuộc tu sở đoạn, vì do tham cầu đời sau mà có “nhuận sanh hoặc”. Vì chín thứ tâm khởi lên trong khi mệnh chung, đều cùng khởi với “câu sanh ái” (chín thứ tâm khi mệnh chung là, khi ở Dục giới mệnh chung, hoặc khởi tâm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Khi ở Sắc, Vô sắc giới mệnh chung cũng vậy). Trừ vô minh, ái, thủ, còn chín chi kia đều thông cả kiến và tu sở đoạn.

Có ý kiến cho rằng cả mười hai chi đều thông cả kiến và tu sở đoạn, vì luận nói: “Quả Dự lưu đã đoạn hết thấy một phần hữu chi”, chứ không ai đoạn sạch hết được. Nếu vô minh chỉ chỉ thuộc kiến sở đoạn thì tại sao nói Dự lưu không toàn đoạn hết? Nếu ái, thủ, chỉ thuộc tu sở đoạn thì tại sao nói Dự lưu đã đoạn một phần hết thấy các chi? Lại nói hết thấy phiền não của toàn một cõi đều có thể kiết sanh (tức nhuận sanh hoặc). Lại nói các hành động đưa đến cõi ác, chỉ do phiền não phân biệt khởi phát sanh, chứ không nói nhuận sanh phiền não chỉ do tu sở đoạn, cũng không nói các hành động chiêu cảm đời sau đều do kiến sở đoạn hoặc phát sanh. Do đó nên biết vô minh, ái, thủ, ba chi cũng thông cả kiến và tu sở đoạn. Nhưng chi “vô minh” chánh thức phát sanh chi “hành” đưa đến ác thú thì chỉ thuộc kiến sở đoạn, nếu nó giúp phát sanh hành nghiệp các thú khác thì bất định. Hai chi “ái” và “thủ” nếu là chính nhuận sanh thì chỉ là tu sở đoạn, còn giúp cho nhuận sanh thì bất định.

Lại pháp mà tự tánh nhiễm ô là nên đoạn trừ, vì khi có đạo đối trị khởi lên thì nó bị đoạn hẳn; còn tự tánh của pháp hữu lậu không nhiễm

ô thì không phải là thứ nên đoạn, vì nó không trái đạo phẩm. Nhưng có hai nghĩa mà nói là đoạn:

a. Vì ly phược: Đó là đoạn các phiền não duyên theo pháp hữu lậu và xen lộn với pháp hữu lậu.

b. Vì bất sanh: Đó là đoạn chỗ nương (chỉ phiền não phân biệt) của pháp hữu lậu khiến nó không khởi được.

Dựa vào nghĩa ly phược trên mà nói một phần hành hữu chi thiện hữu lậu và bảy chi thức là danh sắc v.v... vô phú vô ký chỉ là tu sở đoạn. Dựa vào bất sanh đoạn trên mà nói một phần trong hành hữu chi chiêu cảm ác thú và vô tướng định, chỉ là kiến sở đoạn.

Nên nói mười hai chi thông cả kiến và tu sở đoạn, nên biết như đã nói ở trước về các cách đoạn.

13. Môn tương ưng ba thọ: Trong mười hai, mười chi đều tương ưng với lạc và xả thọ, vì chi “thọ” không tương ưng với thọ; chi lão tử phần nhiều không có lạc, xả thọ. Chi mười một là chi “sanh” tương ưng với khổ, trừ thọ không tương ưng thọ. Một phần của chi mười một nhiếp về hoại khổ.

14. Môn ba khổ: Cả mười hai chi, một phần ít nhiếp về khổ, vì trong hết thấy chi đều có khổ thọ. Toàn phần mười hai chi đều nhiếp về hành khổ, vì các pháp hữu lậu đều là hành khổ. Chi mười một có một phần ước theo xả thọ thì một phần của chi mười một thuộc hành khổ; chi lão tử nhiếp về hoại khổ. Thật nghĩa là như vậy, nhưng trong các Thánh giáo tùy theo tướng nó tăng thịnh mà nói, nên không nhất định.

15. Môn Tứ đế: Cả mười hai chi đều thuộc Khổ đế, vì nó là tánh thủ uẩn. Năm chi vô minh, hành, ái, thủ, hữu cũng nhiếp về Tập đế vì nó là tánh phiền não.

16. Môn bốn duyên: Các chi đối với nhau nhất định có duyên tăng thượng, còn ba duyên kia, hoặc có hoặc không không nhất định. Khế kinh y theo nghĩa nhất định nói chỉ có duyên là duyên tăng thượng. “Ái” đối với “thủ”; “hữu” đối với “sanh”, có nghĩa làm nhân duyên cho nhau. Nếu “thức chi” là nghiệp chủng, thì “hành chi” đối với thức chi cũng có nghĩa làm nhân duyên cho nhau. Các chi khác đối với nhau không có nghĩa nhân duyên. Nhưng trong tập Luận nói: “Vô minh đối với hành có nghĩa nhân duyên”, là ước theo trong lúc vô minh có nghiệp tập khí mà nói, vì nghiệp ấy tương ưng với vô minh mà giả nói là vô minh, chứ kỳ thật là hành chủng tử.

Luận Du-già nói: “Các chi đối với nhau chỉ có ba duyên kia” chứ không có nghĩa làm nhân duyên, còn đây ước theo ái thủ hiện hành mà nói có nhân duyên cho nhau. Chỉ nghiệp chủng mới có nhân duyên. Vô minh đối với hành, ái đối với thủ, sanh đối với lão tử có hai duyên

là Đẳng vô gián và Sở duyên duyên. “Hữu” đối với “sinh” chỉ có Sở duyên duyên. Các chi khác đối với nhau không có hai duyên Tăng thượng và Đẳng vô gián.

- Trong đây là y theo sự kế cận thứ lớp không tạp loạn mà nói nghĩa duyên khởi thật. Khác với điều này, các chi đối với nhau mà có làm duyên cho nhau là không nhất định. Những người thông tuệ nên suy nghĩ đúng như lý.

17. Môn hoặc nghiệp khổ: Ba thứ hoặc, nghiệp, khổ, nhiếp trọn mười hai chi. Vô minh, ái, thủ, nhiếp về hoặc, hành toàn phần và hữu một phần thuộc nghiệp, bầy chi thức, danh sắc lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử và hữu một phần thuộc khổ.

Có chỗ nói nghiệp toàn nhiếp về hữu, nên biết đó y theo nghiệp hữu mà nói.

Có chỗ nói thức nhiếp về nghiệp, đó là lấy nghiệp chủng làm thức chi mà nói.

Kết quả do hoặc và nghiệp chiêu cảm, chỉ gọi là khổ, vì nhiếp về Khổ đế, đáng nhằm chán vậy. Do hoặc nghiệp, khổ, tức chính là mười hai chi, nó có thể làm cho có sự sanh tử tương tục.

(Ý thứ tư) Lại nữa, sanh tử tương tục là do nhân duyên bên trong chứ không phải do nhân duyên bên ngoài, cho nên nói duy có thức.

Nhân là hai nghiệp hữu lậu vô lậu chính thức chiêu cảm sanh tử. Duyên là hai chướng phiền não và sở tri, trợ giúp sự chiêu cảm ra sanh tử đó.

Vì sao? Vì sanh tử có hai thứ:

1. Phân đoạn sanh tử: Đó là các nghiệp hữu lậu thiện và bất thiện, do thế lực của phiền não chướng làm duyên trợ giúp mà chiêu cảm ra quả Dị thực thô phù trong ba cõi với thân mạng sống lâu hoặc chết yếu, do sức nhân duyên mà có sự hạn định đó, cho nên gọi là phân đoạn sanh tử.

2. Bất tư nghì biến dịch sanh tử: Đó là các nghiệp vô lậu có phân biệt, do thế lực của sở tri chướng làm duyên trợ giúp chiêu cảm ra quả Dị thực với thân mạng thù thắng vi tế, do sức bi nguyện mà thân mạng này chuyển dịch không hạn định, cho nên gọi là biến dịch. Đây chính do định vô lậu làm duyên trợ giúp chiêu cảm, diệu dụng khó lường, cho nên gọi là bất tư nghì.

Thân biến dịch sanh tử cũng gọi là ý sanh thân. Nghĩa là tùy ý nguyện mà sanh thành.

Như Khế kinh nói: “Do lấy “thủ” làm duyên, nghiệp hữu lậu làm

nhân mà có tiếp tục đời sau, cho nên sanh ra trong ba cõi. Cũng như vậy, do vô minh trụ địa làm duyên và nghiệp vô lậu làm nhân mà có ba hạng ý sanh thân là A-la-hán, Độc giác, Tự tại Bồ-tát, cũng gọi là biến hóa thân, do định lực vô lậu chuyển biến khác với gốc cũ, cũng như sự biến hóa”.

Hỏi: Như có Luận nói: “Hàng Thanh-văn vô học đã dứt hẳn thân hậu hữu”, thì làm sao có thể chứng thành Vô thượng Bồ-đề?

Đáp: Nương thân biến hóa mà chứng Vô thượng Bồ-đề, chứ không phải nương thân nghiệp báo, nên không trái lý.

Hỏi: Nếu sở tri chướng làm duyên trợ giúp cho nghiệp vô lậu có thể chiêu cảm sanh tử thì hàng Nhị thừa định tánh không thể vĩnh viễn nhập Vô dư Niết-bàn? (vì Nhị thừa còn sở tri chướng).

Đáp: Đây cũng như hàng Di sanh (phàm phu) bị buộc ràng theo phiền não (không thể vào Niết-bàn).

- Thế nào mà Đạo đế lại thật sự có thể chiêu cảm quả khổ?

- Ai nói thật sự chiêu cảm?

- Không như vậy thì thế nào?

- Do định vô lậu làm duyên trợ giúp cho nghiệp hữu lậu khiến cho quả đắc được tương tục lâu dài, triển chuyển thắng hơn mà giả gọi là chiêu cảm đó thôi. Như vậy khi chiêu cảm là do sở tri chướng làm duyên để trợ lực, chứ không phải riêng sở tri chướng mà có thể chiêu cảm.

Hỏi: Nhưng sở tri chướng không làm chướng giải thoát, vì nó không có tác dụng làm phát nghiệp nhuận sanh, cần gì nó trợ giúp để chiêu cảm khổ báo sanh tử làm gì?

Đáp: Vì để tự chứng được Bồ-đề và lợi lạc quần sanh cho nên trợ giúp để chiêu cảm. Nghĩa là hàng Thanh-văn, Độc giác bất định tánh và hàng Đại nguyện Bồ-tát đắc đại nguyện tự tại, đã vĩnh viễn đoạn dẹp phiền não, không thể còn thọ thân phân đoạn sanh tử đời sau, nhưng vì sợ phước bỏ hạnh tu Bồ-tát dài ngày, bèn dùng nguyện lực thắng định vô lậu, đúng như cách kéo dài tuổi thọ mà tư trợ cái nghiệp nhân của thân hiện tại, khiến nghiệp nhân đó kéo dài làm cho quả báo thân hiện tại sống lâu không dứt. Cứ nhiều lần như vậy, do định và nghiệp tư trợ để tu hành cho đến khi chứng được Vô thượng Bồ-đề.

Hỏi: Như vậy các vị kia cần gì phải nhờ sở tri chướng tư trợ?

Đáp: Vì đã chưa viên mãn chứng được vô tướng đại bi, nếu không có sở tri chướng chấp Bồ-đề và hữu tình là thật có, thì không do đâu phát khởi tâm bi nguyện mãnh lợi. Lại sở tri chướng, làm chướng ngại

đại Bồ-đề, vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ nên nó lưu thân lại lâu dài. Lại sở tri chướng là chỗ nương của pháp hữu lậu, chướng này nếu không có thì pháp hữu lậu kia nhất định không có. Cho nên sở tri chướng có trợ lực lớn đối thân sống lâu.

Nếu thân lưu lại lâu dài mà do định và nguyện hữu lậu tư trợ thì thân ấy nhiếp vào phân đoạn sanh tử, vì đó là cảnh giới của hàng Nhị thừa và Dị sanh. Nếu do định và nguyện vô lậu tư trợ thì thân này nhiếp vào biến dịch sanh tử, vì không phải là cảnh giới của Nhị thừa và Dị sanh.

Do đó nên biết Biến dịch sanh tử tánh là hữu lậu thì nhiếp vào Dị thực quả, đối với vô lậu nghiệp thì đó là Tăng thượng quả. Có chỗ trong Thánh giáo nói do vô lậu mà ra ba cõi, đó là tùy theo nghiệp vô lậu làm trợ nhân mà nói.

- Trong bài Tụng nói: “tập khí các nghiệp” chính là chủng tử hai nghiệp hữu lậu, vô lậu vừa được nói. Còn “tập khí hai thủ” chính là chủng tử hai chướng phiền não, sở tri vừa được nói. Vì đều là chấp trước (cho nên nói là hai thủ). Chữ “câu” v.v... và các văn khác trong bài tụng thì có giải nghĩa như trước.

- Biến dịch sanh tử tuy không phân từng đoạn Dị thực trước sau, chết khác sanh khác, nhưng do định lực tư trợ làm cho biến cải trước sau, nên cũng có nghĩa Dị thực trước chấm dứt lại sanh ra Dị thực sau. Tuy cũng do hiện hành nghiệp và hai thủ khiến cho sanh tử tương tục, nhưng chủng tử của nó thì nhất định phải có, nên Tụng chỉ nói đến tập khí, tức nói đến chủng tử (vì nó có luôn chứ không như hiện hành khi hiện, khi ẩn).

Hoặc để hiển thị nhân quả chơn Dị thực, đều không lia bản thức, cho nên không nói hiện hành.

Dị thực nhân hiện hành của sáu thức không tức thời cho quả (phải luân tập thành chủng tử sau mới cho quả), còn các chuyển thức thì gián đoạn (chỉ là Dị thực sanh) không phải là chơn Dị thực (nên câu “Dị thực trước đã dứt lại sanh Dị thực sau” trong bài Tụng cốt chỉ cho chơn Dị thực đệ bát thức mà nói).

Sanh tử luân hồi trải qua ba thời tiền tế, trung tế, hậu tế, không cần chờ có duyên bên ngoài, mà đã chỉ do nội thức như vậy thì Tịnh pháp tương tục nơi các bậc Thánh, nên biết cũng vậy. Nghĩa là từ vô thủy lại, chủng tử vô lậu vốn có gá dựa nơi bản thức và do chuyển thức thường thường luân tập phát sanh, dần dần tăng hơn cho đến khi rốt ráo đắc thành Phật, thì chuyển bỏ chủng tử thức tạp nhiễm xưa nay và

chuyển được bắt đầu khởi chủng tử thức thanh tịnh, nhậm vận duy trì hết thủy chủng tử công đức. Do sức bản nguyện khởi lên các diệu dụng, cùng tột đời vị lai tương tục vô cùng.

- Do đó nên biết Duy có nội thức mà có sanh tử tương tục.